

Bản án số: 140/2022/DS-ST

Ngày: 26-5-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hưng

Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐST ngày 07 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; địa chỉ trụ sở: Phường T quận K, Thành phố N; địa chỉ chi nhánh: Phường A, Quận H, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Y Văn B, sinh năm 1994, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo Văn bản ủy quyền số 1408/UQ-PVB ngày 16/3/2021 và số 10772/UQ-PVB ngày 10/6/2020; địa chỉ liên lạc: Phường A, Quận H, Thành phố H; (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; cư trú tại: Phường B, quận G, Thành phố H; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 17 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có ông Y Văn B là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (viết tắt là Ngân hàng Đ) và bà Nguyễn Thị N thỏa thuận ký Hợp đồng cho vay số 10611/2018/HĐTD/PVB-CN.HCM-PGD.CVL ngày 20/11/2018 (kèm bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng) và Khế ước nhận nợ số LD1832404506 ngày 20/11/2018. Theo thỏa thuận trong hợp đồng vay, Ngân hàng Đ cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 647.000.000 đồng; mục đích vay để thanh toán

tiền xe ô tô; thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn vay lần đầu tiên; lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm giải ngân được ghi nhận tại mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm.

Tài sản bảo đảm: Để đảm bảo cho khoản vay, bà Nguyễn Thị N đã thế chấp cho Ngân hàng Đ tài sản là xe ô tô CHEVROLET 07 chỗ, màu đen, số khung MMM156EL0KH624160, số máy LKHG182211088, số loại TRAILBLAZER, biển kiểm soát 51G-726.11 do bà Nguyễn Thị N đứng tên theo chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/11/2018, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 10611/2018/HĐBĐ/PVB-CN.HCM-PGD.CVL ngày 20/11/2018, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/11/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản bảo đảm do bà Nguyễn Thị N giữ và bảo quản, sử dụng từ khi thế chấp cho Ngân hàng đến nay.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng Đ đã giải ngân đầy đủ, bà Nguyễn Thị N đã nhận đủ số tiền vay. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng nợ gốc và nợ lãi là 132.036.556 đồng (trong đó bị đơn đã trả nợ gốc là 89.900.000 đồng, đã trả lãi trong hạn là 38.180.957 đồng, đã trả lãi quá hạn là 3.345.998 đồng, đã trả lãi phạt chậm trả là 609.601 đồng), sau đó bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn nữa. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ được thỏa thuận trong hợp đồng vay ký giữa hai bên nêu trên. Nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng bị đơn vẫn không thanh toán hết nợ vay cho nguyên đơn.

Ngân hàng Đ khởi kiện bà Nguyễn Thị N, yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn các khoản nợ tính đến ngày 05/5/2022 theo Hợp đồng cho vay số 10611/2018/HĐTD/PVB-CN.HCM-PGD.CVL ngày 20/11/2018 (kèm bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng) và Khế ước nhận nợ số LD1832404506 ngày 20/11/2018 như sau:

- + Nợ gốc: 557.100.000 đồng;
- + Nợ lãi trong hạn: 144.369.793 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn: 64.525.666 đồng;
- + Lãi phạt chậm trả: 19.421.960 đồng;
- Tổng cộng nợ gốc và lãi là: 785.417.419 đồng

Ngoài ra, Ngân hàng Đ yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải trả lãi suất phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 06/5/2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Đ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 10611/2018/HĐTD/PVB-CN.HCM-PGD.CVL ngày 20/11/2018 (kèm bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng) và Khế ước nhận nợ số LD1832404506 ngày 20/11/2018 mà các bên đã ký kết.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đến hạn thanh toán trên, nếu bà Nguyễn Thị N không thanh toán hết số nợ trên thì Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên, xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ cho ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên của bị đơn không đủ thanh toán hết khoản nợ cho nguyên đơn thì bị đơn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho nguyên đơn.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập bà Nguyễn Thị N tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà Nguyễn Thị N không đến, do đó Tòa án không lấy lời khai của bị đơn cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Sau khi được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng vay nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ngân hàng Đ đã ký hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp tài sản với bà Nguyễn Thị N theo như nội dung vụ án đã trình bày, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Đ về các khoản nợ và yêu cầu xử lý, phát mãi tài sản thế chấp là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị N có vay tiền của Ngân hàng Đ, có ký hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp, do đó có cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị N và Ngân hàng Đ có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bà Nguyễn Thị N không trả tiền đúng hạn nên Ngân hàng Đ khởi kiện.

Tòa án đã xác minh địa chỉ cư trú của bà Nguyễn Thị N tại Công an Phường B, quận G, Thành phố H, kết quả xác minh bà Nguyễn Thị N có địa chỉ cư trú cuối cùng tại địa chỉ Phường B, quận G, Thành phố H. Do bà Nguyễn Thị N cư trú tại quận G, Thành phố H nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị N. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

Đối với yêu cầu của Ngân hàng Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số 10611/2018/HĐTD/PVB-CN.HCM-PGD.CVL ngày 20/11/2018 (kèm bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng) và Khế ước nhận nợ số LD1832404506 ngày 20/11/2018, Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 10611/2018/HĐBĐ/PVB-CN.HCM-PGD.CVL ngày 20/11/2018 được ký giữa bà Nguyễn Thị N với Ngân hàng Đ cho thấy việc giao kết hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng vay nêu trên và bảng kê chi tiết các khoản nợ thể hiện bà Nguyễn Thị N có vay của Ngân hàng Đ số tiền 647.000.000 đồng. Bị đơn nhận đủ số tiền vay nhưng không thanh toán hết số tiền còn nợ cho nguyên đơn. Như vậy, theo nguyên đơn yêu cầu thì bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng cộng nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả tính đến ngày 05/5/2022 là 785.417.419 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 557.100.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 144.369.793 đồng, nợ lãi quá hạn là 64.525.666 đồng, lãi phạt chậm trả là 19.421.960 đồng). Ngoài ra, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn lãi suất phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 06/5/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay nêu trên. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này”*; theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*; theo điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng: *“Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn”*. Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất của Hợp đồng cho vay số 10611/2018/HĐTD/PVB-CN.HCM-PGD.CVL ngày 20/11/2018 (kèm bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng) và Khế ước nhận nợ số LD1832404506 ngày 20/11/2018 mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo thỏa thuận giữa các bên đương sự về biện pháp bảo đảm cho nghĩa vụ vay, bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn chiếc xe ô tô CHEVROLET 07 chỗ, màu đen, số khung MMM156EL0KH624160, số máy LKHG182211088, số loại TRAILBLAZER, biển kiểm soát 51G-726.11 do bà Nguyễn Thị N đứng tên theo chứng nhận đăng ký xe ô tô, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 10611/2018/HĐBĐ/PVB-CN.HCM-PGD.CVL ngày 20/11/2018, đã đăng ký giao dịch bảo đảm. Công văn số 1475/PC08-Đ4 ngày 08/3/2022 của Phòng cảnh sát giao thông đường bộ - Công an Thành phố Hồ Chí Minh trả lời xác minh của Tòa án về xe ô tô CHEVROLET 07 chỗ có biển kiểm soát 51G-726.11 từ ngày 19/11/2018 đến nay không thay đổi chủ sở hữu phương tiện. Hội đồng

xét xử xét thấy tài sản thế chấp này là hợp pháp. Do bà Nguyễn Thị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong hợp đồng vay gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Ngân hàng Đ khởi kiện, yêu cầu thu hồi nợ và xử lý tài sản bảo đảm nếu không trả hết nợ là có cơ sở pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị N để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đối chiếu các khoản nợ và tài sản thế chấp, nhưng bà Nguyễn Thị N đều vắng mặt không có lý do. Bị đơn cũng không nộp cho Tòa án chứng cứ, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các khoản nợ và xử lý tài sản bảo đảm nên xem như bị đơn đã từ bỏ quyền của mình, mặc nhiên thừa nhận còn nợ các khoản vay như nguyên đơn yêu cầu.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Đ, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N phải trả một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Đ tổng số tiền nợ tính đến ngày 05/5/2022 là 785.417.419 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 557.100.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 144.369.793 đồng, nợ lãi quá hạn là 64.525.666 đồng, lãi phạt chậm trả là 19.421.960 đồng); kể từ ngày 06/5/2022, bà Nguyễn Thị N vẫn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ cho đến ngày bà thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 10611/2018/HĐTD/PVB-CN.HCM-PGD.CVL ngày 20/11/2018 (kèm bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng) và Khế ước nhận nợ số LD1832404506 ngày 20/11/2018. Đến hạn thanh toán trên, nếu bà Nguyễn Thị N không thanh toán hết số nợ trên thì Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô CHEVROLET 07 chỗ có biển kiểm soát 51G-726.11 nêu trên do bà Nguyễn Thị N đứng tên theo chứng nhận đăng ký xe ô tô để thu hồi nợ cho ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên của bị đơn không đủ thanh toán hết khoản nợ cho nguyên đơn thì bị đơn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Đ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí năm 2015, yêu cầu của Ngân hàng Đ được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.416.697 đồng đối với khoản nợ mà bà Nguyễn Thị N phải trả là 785.417.419 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 15.197.148 đồng cho Ngân hàng Đ theo biên lai thu số AA/2019/0028266 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150 Điều 177, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
Căn cứ các điều 299, 318, 323, 351, 357, 463, 466 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ khoản 1 Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng cộng nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/5/2022 là 785.417.419 (Bảy trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm mười bảy nghìn bốn trăm mười chín) đồng (theo Hợp đồng cho vay số 10611/2018/HĐTD/PVB-CN.HCM-PGD.CVL ngày 20/11/2018, kèm bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng và Khế ước nhận nợ số LD1832404506 ngày 20/11/2018), trong đó:

+ Nợ gốc là: 557.100.000 (Năm trăm năm mươi bảy triệu một trăm nghìn) đồng;

+ Nợ lãi trong hạn là: 144.369.793 (Một trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi ba) đồng;

+ Nợ lãi quá hạn là: 64.525.666 (Sáu mươi bốn triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng;

+ Nợ lãi phạt chậm trả là: 19.421.960 (Mười chín triệu bốn trăm hai mươi một nghìn chín trăm sáu mươi) đồng.

Kể từ ngày 06/5/2022, bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tiền nợ lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ cho đến khi bà Nguyễn Thị N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 10611/2018/HĐTD/PVB-CN.HCM-PGD.CVL ngày 20/11/2018 (kèm bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng) và Khế ước nhận nợ số LD1832404506 ngày 20/11/2018.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đến hạn thanh toán trên, nếu bà Nguyễn Thị N chưa thanh toán hết nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô CHEVROLET 07 chỗ, màu đen, số khung MMM156EL0KH624160, số máy LKHG182211088, số loại TRAILBLAZER, biển kiểm soát 51G-726.11 do bà Nguyễn Thị N đứng tên theo chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/11/2018, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 10611/2018/HĐBĐ/PVB-CN.HCM-PGD.CVL ngày 20/11/2018, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/11/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu

trên của bà Nguyễn Thị N không đủ thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thì bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 35.416.697 (Ba mươi lăm triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm chín mươi bảy) đồng đối với khoản nợ mà bà Nguyễn Thị N phải trả là 785.417.419 (Bảy trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm mười bảy nghìn bốn trăm mười chín) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 15.197.148 (Mười lăm triệu một trăm chín mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi tám) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0028266 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3- Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND Q.Gò Vấp;
- Thi hành án DS Q.Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Hoa).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Tám

